

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khai thác mỏ sét gạch ngói tại khu vực Đồng Bò, xã Gia An,
huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác mỏ sét gạch ngói tại khu vực Đồng Bò, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tại cuộc họp ngày 05 tháng 12 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Gia An, huyện Tánh Linh;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác mỏ sét gạch ngói tại khu vực Đồng Bò, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải trình tại Công văn số 40/TTr-THL ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Doanh nghiệp tư nhân Tân Hùng Lan;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 78/TTr-STNMT ngày 26 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác mỏ sét gạch ngói (sau đây gọi là Dự án) của Doanh nghiệp tư nhân Tân Hùng Lan (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực Đồng Bò, xã

Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCTUBND tỉnh (đ/c Hải, đ/c Phong);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Công thương;
- Quỹ bảo vệ môi trường;
- UBND huyện Tánh Linh;
- UBND xã Gia An;
- DNTN Tân Hùng Lan;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lương Văn Hải

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 527 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Chủ dự án: Doanh nghiệp tư nhân Tân Hùng Lan.
- Địa chỉ liên hệ: Thôn 1, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.
- Người đại diện: Huỳnh Đức Hùng - Chức vụ: Chủ doanh nghiệp.
- Điện thoại: 08.88009777.
- Mục tiêu dự án: Khai thác sét phục vụ cho nhà máy gạch hoffman để sản xuất gạch xây dựng cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh Bình Thuận.
- Phạm vi: Diện tích dự án là 09 ha.
- Quy mô công suất: Trữ lượng sét huy động vào khai thác được phê duyệt là 336.103 m³, Trữ lượng sét huy động vào khai thác thực tế là 316.432 m³ (sau khi trừ đi trữ lượng để lại làm bờ bao quanh mỏ, bờ hồ, trụ bảo vệ, ...); công suất sét nguyên khối 18.000 m³/năm (công suất sét nguyên khai là 23.220 m³).
- Thời gian khai thác là 18 năm 8 tháng.
- Công trình chính: Khu vực khai thác của dự án là 9,0 ha, tất cả các hệ thống khai thác, mở vỉa và các hoạt động khai thác đều nằm trong khu vực khai thác.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Gồm tác động do nước thải sinh hoạt, chất thải rắn (sinh hoạt, chất thải sản xuất, nguy hại, ...), bụi.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Dự án khai thác sét không có nhu cầu sử dụng nước trong quá trình khai thác. Nước thải phát sinh chủ yếu là sinh hoạt của công nhân với khối lượng 0,04 m³/ngày (vì chỉ có 01 công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Khí thải, bụi từ các phương tiện khai thác sét và vận chuyển cát.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải rắn phát sinh chủ yếu của dự án là chất thải sinh hoạt và chất thải rắn từ quá trình khai thác sét gồm:

+ Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh 0,5kg/ngày (vì chỉ có 01 công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ). Thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là các loại bao bì (lon, túi nilong, vỏ cơm hộp...), thức ăn thừa.

+ Khối lượng chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang trên phần diện tích khai thác toàn dự án khoảng 17,47 tấn, thành phần chủ yếu là thân cây, cành cây, lá, thảm thực vật, ...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công dự án chủ yếu từ các hoạt động như: Sửa chữa máy móc hư hỏng, giặt lau đã qua sử dụng, bóng đèn huỳnh quang thải,... Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 08 kg/tháng.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

Toàn bộ lượng nước này được thu gom xử lý bằng hầm tự hoại. Tuy nhiên, do tại công trình chỉ có 01 công nhân (lái xe máy xúc) thường xuyên túc trực, do đó Doanh nghiệp không xây dựng hầm tự hoại tại mỏ mà bố trí nhà vệ sinh tại nhà máy gạch của Doanh nghiệp.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Sử dụng các loại nhiên liệu đốt có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Trang bị phương tiện bảo hộ đầy đủ cho công nhân đặc biệt chú trọng trang bị các thiết bị chống nóng.

- Khai thác đến đâu mới tiến hành bóc bỏ thảm thực vật đến đó, đồng thời giữ nguyên hiện trạng cây xanh tại khu vực chưa khai thác đến.

- Trồng cây Keo lai giâm hom trên đai bảo vệ với tổng số cây là 965 cây, thời gian trồng khi dự án mới bắt đầu đi vào khai thác. Ngoài ra, Doanh nghiệp sẽ lưu giữ một số loại thực vật để trồng khi bóc phủ để chuyển sang trồng trên đai bảo vệ.

- Thường xuyên duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường vận chuyển chuyên dụng từ mỏ ra đến đường ĐT.720.

- Tổ chức tưới nước làm ẩm đường vận chuyển thường xuyên để hạn chế bụi phát tán vào môi trường với tần suất 2 lần/ngày bằng xe bồn tưới nước. Khối lượng nước dùng cho tưới đường khoảng 22,68 m³/ngày. Nước cung cấp cho xe bồn được doanh nghiệp lấy nước từ suối Lăng Quăng.

- Trong quá trình vận chuyển các xe vận chuyển phải được che phủ kín bằng vải bạt để hạn chế đá rơi vãi, bụi phát tán ra môi trường.

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm

như giờ đi làm, giờ tan sở,...

- Hạn chế việc vận chuyển sét vào các ngày cuối tuần để tránh ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của các khu dân cư, khu vực xung quanh dọc tuyến đường vận chuyển, xe vận chuyển lần lượt từng chuyến, tránh tập trung vào một nơi tại cùng một thời điểm gây tắc nghẽn đường giao thông.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Tiến hành thu gom, phân loại, lưu trữ và xử lý toàn bộ chất thải rắn đúng theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này, đảm bảo các yêu cầu về môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

- Chất thải sinh hoạt: Doanh nghiệp bố trí 1 - 2 thùng rác có nắp đậy dung tích 20 - 50 lít đặt tại khu vực khai trường nhằm thu gom toàn bộ lượng rác phát sinh trong mỏ và hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường trong khu vực định kỳ (2 đến 3 ngày) vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định. Lập nội quy công trường yêu cầu công nhân không xả rác bừa bãi.

- Chất thải sản xuất bao gồm lượng sinh khối từ quá trình phát quang một phần sẽ được Chủ dự án bàn giao cho các hộ dân trong khu vực tận dụng làm củi đốt, phần còn lại không sử dụng được sẽ tập kết và tiến hành đốt bỏ.

3.4. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Chủ đầu tư tiến hành quản lý và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại theo quy định Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại như: Doanh nghiệp quy định đối với từng tài xế khi có sửa chữa xe thì phải thu gom toàn bộ rác thải nguy hại về kho chứa chất thải nguy hại tại Nhà máy gạch để lưu giữ, không vứt bừa bãi trong khu vực khai thác, từng loại chất thải nguy hại được phân loại vào các thùng riêng biệt và được dán nhãn phân biệt. Trong quá trình hoạt động Doanh nghiệp sẽ làm thủ tục đăng ký quản lý chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải và sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung từ quá trình thi công đến công nhân lao động trực tiếp và môi trường xung quanh, Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Trang bị nút bịt tai cho những công nhân làm việc trực tiếp tại công trường.
- Thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho công nhân lao động.
- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị nhằm hạn chế tiếng ồn do phương tiện thi công tạo ra theo đúng tiêu chuẩn môi trường quy định.
- Không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây ồn lớn vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép.
- Đối với các thiết bị, máy móc có phát sinh độ ồn lớn thường xuyên kiểm tra các khớp nối, bôi trơn định kỳ, vận hành theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn.
- Định kỳ giám sát mức độ tiếng ồn để có biện pháp quản lý và xử lý kịp thời.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phòng chống cháy nổ: Thường xuyên tổ chức đào tạo, hướng dẫn cho cán bộ, công nhân nắm vững công tác an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Có cán bộ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thường xuyên, bố trí trang thiết bị thi công gọn gàng, khoa học.
- Biện pháp an toàn lao động: Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật của phương tiện trước khi thi công. Người sử dụng, vận hành các trang thiết bị máy móc thi công phải tuân thủ theo đúng quy định an toàn của từng loại thiết bị máy móc và có đầy đủ bằng cấp chuyên môn. Bố trí cán bộ phụ trách an toàn lao động theo dõi công trường liên tục.

3.7. Cải tạo phục hồi môi trường:

- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn: Đáy moong sau khi kết thúc khai thác sẽ để lại làm hồ nuôi trồng thủy sản (03 hồ nuôi trồng thủy sản).
- Khối lượng cần cải tạo gồm 02 giai đoạn:
 - + *Giai đoạn 1*: Gia cố bờ moong và vách moong khai thác, lấp đặt biển báo xung quanh bờ moong khu vực khai thác, lấp đặt hàng rào kẽm gai xung quanh moong khai thác, đắp đê bao quanh khu vực khai thác, trồng cây xanh xung quanh bờ moong khai thác.
 - + *Giai đoạn 2*: Duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ.
- Kế hoạch thực hiện:
 - + *Giai đoạn 1*: Thực hiện từ năm đầu theo tiến độ của dự án và bổ sung hàng năm cho đến tháng thứ 8 của năm thứ 19.

+ *Giai đoạn 2*: Thực hiện cải tạo tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ khi kết thúc khai thác, thời gian cải tạo khoảng 01 tháng sau kết thúc khai thác.

- Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

+ Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: **561.953.650 đồng** (*Năm trăm sáu mươi một triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*).

- Số lần thực hiện ký quỹ: 19 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 112.390.730 đồng.

+ Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (từ năm thứ 2 đến năm thứ 19) mỗi lần 24.975.718 đồng.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ:

+ Lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Những lần tiếp theo: Trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Do loại hình dự án khai thác sét gạch ngói không sử dụng nước phục vụ cho quá trình sản xuất và không phát sinh khí thải tại nguồn do đó không có công trình bảo vệ môi trường chính của dự án.

Tuy nhiên, tại khu vực mỏ có 01 công nhân tập trung thường xuyên tại khu vực mỏ, do đó lượng chất thải phát sinh rất ít nên Doanh nghiệp không bố trí Nhà vệ sinh và kho lưu chứa chất thải nguy hại tại mỏ mà sử dụng chung với Nhà máy (mỏ cách nhà máy khoảng 3km). Riêng về chất thải sinh hoạt, Doanh nghiệp bố trí 1 - 2 thùng rác có nắp đậy dung tích 20 - 50 lít đặt tại khu vực khai trường nhằm thu gom toàn bộ lượng rác phát sinh trong mỏ và hợp đồng với đơn vị dịch vụ môi trường trong khu vực thu gom, xử lý.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

a. Giám sát môi trường không khí:

- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, SO₂, NO_x, CO, H₂S, NH₃.

- Vị trí giám sát: tại khu vực moong khai thác.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần số giám sát: 03 tháng/lần.

b. Giám sát chất thải rắn

Chủ dự án có kế hoạch giám sát số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn tại khu vực dự án.

Tần suất giám sát: thường xuyên.

Nhật ký quản lý chất thải rắn của dự án sẽ được lưu giữ định kỳ và báo cáo với Cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

c. Giám sát khác:

Giám sát sự cố xói mòn, sạt lở: Chủ Dự án cam kết phối hợp với đơn vị thi công hàng ngày giám sát sự cố xói mòn, sạt lở khu vực trong suốt quá trình thi công.